

Số: *09* /2021/NQ-HĐND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày *10* tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi
thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của
Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân
bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Xét Tờ trình số 234/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022; Báo cáo thẩm
tra số 187/BC-KTNS ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách
Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại
kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương áp dụng cho năm ngân sách 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 (viết tắt là Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15).

b) Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới, thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15, Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 và các quy định áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách tại Nghị quyết này.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành, các cơ quan khác ở tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Điều 2. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương

1. Việc xây dựng hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước phải góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; ưu tiên bố trí kinh phí cho những lĩnh vực quan trọng và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hải đảo.

2. Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm giai đoạn 2022 - 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách địa phương 05 năm giai đoạn 2021 - 2025.

3. Tăng cường tính chủ động, gắn với chức năng, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chi ngân sách nhà nước theo quy định.

4. Tiêu chí phân bổ ngân sách phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, kiểm tra và giám sát; bảo đảm công bằng, công khai và minh bạch.

5. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên tại Nghị quyết này là cơ sở để xây dựng dự toán chi ngân sách của các cơ quan thuộc tỉnh, dự toán chi ngân sách của từng huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, bao gồm: ngân sách các huyện, thị xã, thành phố và ngân sách các xã, phường, thị trấn; không phải là định mức chi tiêu ngân sách.

6. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách các huyện, thị xã, thành phố được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, đảm bảo chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ và mức tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện chế độ, chính sách được nhà nước ban hành đến thời điểm Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết này (chưa bao gồm kinh phí phát sinh tăng thêm để thực hiện các chính sách theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 và kinh phí thực hiện một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa bờ).

Từ năm ngân sách 2022, việc ban hành và thực hiện chế độ mới làm tăng chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước.

7. Trường hợp dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước (không bao gồm chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết) và dự toán chi thường xuyên ngân sách huyện, thị xã, thành phố tính theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ năm 2022 thấp hơn dự toán năm 2021 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, Ủy ban nhân dân tỉnh giao trong phạm vi quy định tại khoản 6 Điều này sẽ được hỗ trợ để không thấp hơn. Đối với số hỗ trợ cân đối chi ngân sách huyện, thị xã, thành phố, Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố được chủ động bố trí cơ cấu chi ngân sách huyện, thị xã, thành phố năm 2022 theo nguyên tắc triệt để tiết kiệm chi thường xuyên để tập trung nguồn lực tăng chi đầu tư phát triển.

Điều 3. Nguyên tắc xác định một số tiêu chí phân bổ

1. Dân số

a) Dân số huyện Côn Đảo.

b) Dân số vùng đô thị là dân số các phường và thị trấn sau:

Thành phố Vũng Tàu: Phường 1, Phường 2, Phường 3, Phường 4, Phường 5, Phường 7, Phường 8, Phường 9, Phường 10, Phường 11, Phường 12, phường Thắng Tam, phường Thắng Nhì, Phường Nguyễn An Ninh, phường Thắng Nhất, phường Rạch Dừa.

Thành phố Bà Rịa: phường Phước Hưng, phường Phước Hiệp, phường Phước Nguyên, phường Long Toàn, phường Long Tâm, phường Phước Trung, phường Long Hương, phường Kim Dinh.

Thị xã Phú Mỹ: phường Phú Mỹ, phường Phước Hòa, phường Tân Phước, phường Mỹ Xuân, phường Hắc Dịch.

Huyện Long Điền: thị trấn Long Điền, thị trấn Long Hải.

Huyện Đất Đỏ: thị trấn Đất Đỏ, thị trấn Phước Hải.

Huyện Châu Đức: thị trấn Ngãi Giao.

Huyện Xuyên Mộc: thị trấn Phước Bửu.

c) Dân số vùng còn lại là dân số các xã sau:

Thành phố Vũng Tàu: xã Long Sơn.

Thành phố Bà Rịa: xã Tân Hưng, xã Long Phước, xã Hòa Long;

Thị xã Phú Mỹ: xã Tân Hòa, xã Tân Hải, xã Sông Xoài, xã Châu Pha, xã Tóc Tiên.

Huyện Long Điền: xã An Nhứt, xã An Ngãi, xã Tam Phước, xã Phước Hưng, xã Phước Tỉnh.

Huyện Đất Đỏ: xã Phước Long Thọ, xã Phước Hội, xã Long Mỹ, xã Long Tân, xã Láng Dài, xã Lộc An.

Huyện Châu Đức: xã Bàu Chinh, xã Bình Ba, xã Suối Nghệ, xã Xuân Sơn, xã Sơn Bình, xã Bình Giã, xã Bình Trung, xã Xà Bang, xã Cù Bị, xã Láng Lớn, xã Quảng Thành, xã Kim Long, xã Nghĩa Thành, xã Đá Bạc, xã Suối Rao.

Huyện Xuyên Mộc: xã Phước Thuận; xã Xuyên Mộc, xã Bông Trang, xã Hòa Bình, xã Hòa Hưng, xã Hòa Hội, xã Bưng Riềng, xã Phước Tân, xã Bàu Lâm, xã Tân Lâm, xã Hòa Hiệp, xã Bình Châu.

2. Biên chế

Căn cứ số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao trên cơ sở vị trí việc làm và cơ cấu công chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khối lượng công việc của từng cơ quan, đơn vị.

3. Học sinh, sinh viên

Xác định theo số học sinh, sinh viên được cấp có thẩm quyền giao.

4. Địa bàn

Địa bàn bao gồm các huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

5. Tiêu chí về đại biểu Hội đồng nhân dân

Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được xác định trên cơ sở số lượng đại biểu được bầu của Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 4. Giải thích các cụm từ sử dụng trong Nghị quyết

1. Chi hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, Đảng, đoàn thể, bao gồm:

a) Các khoản chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan: khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị, tổng kết; đoàn ra, đoàn vào; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng; vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác Đảng, đoàn thể trong cơ quan.

b) Các khoản chi nghiệp vụ mang tính chất thường xuyên phát sinh hàng năm: chi nghiệp vụ chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực; chi xây dựng, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật; chi hoạt động kiểm tra, giám sát.

c) Kinh phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng, tài sản phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định.

2. Chi hoạt động thường xuyên chưa bao gồm: kinh phí chỉnh lý tài liệu, các chế độ, chính sách và các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên của từng cơ quan được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Quỹ tiền lương bao gồm: mức lương theo ngạch, bậc hoặc mức lương chức vụ, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định. Mức lương cơ sở hiện hành theo quy định của Trung ương (mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng/tháng theo quy định tại Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 05 năm 2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang). Trong thời kỳ ổn định ngân sách mới, trường hợp Trung ương ban hành quy định về chính sách tiền lương mới thì áp dụng theo chính sách tiền lương mới do Trung ương ban hành.

4. Đoàn thể được đảm bảo, bao gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ.

Điều 5. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cho các đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thực hiện phân bổ chi thường xuyên ngân sách cho các đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, định hướng đổi mới khu vực sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập

(viết tắt là Nghị định số 60/2021/NĐ-CP) và các quy định của pháp luật về việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công. Trong đó:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi cơ quan tài chính cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí. Thực hiện chi ngân sách hỗ trợ giai đoạn 2022 - 2025 cho các đơn vị yêu cầu giảm tối thiểu 15% so với giai đoạn 2017 - 2021 (trừ đơn vị sự nghiệp công cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu theo quy định). Đồng thời, yêu cầu dành nguồn thu sự nghiệp của các đơn vị để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

c) Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: được vận dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước (trong đó, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh được vận dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ như đối với các cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc sở, ban, ngành). Tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước so với giai đoạn 2016 - 2020 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

2. Ngân sách nhà nước giảm cấp chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập đối với các khoản chi đã được kết cấu vào giá dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ của từng lĩnh vực sự nghiệp công; dành kinh phí để tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương, tăng chi mua sắm sửa chữa và tăng chi đầu tư phát triển, trên cơ sở đó cơ cấu lại các lĩnh vực chi thường xuyên và từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đầy đủ các quy định về hạch toán, kế toán và quản lý tài chính, có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo quyết toán hàng năm đối với từng nguồn kinh phí theo quy định; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định của pháp luật về kế toán và ngân sách nhà nước.

Điều 6. Dự phòng ngân sách các cấp

Dự phòng ngân sách các cấp làm cơ sở tính định mức phân bổ là 2% tổng chi ngân sách. Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách hàng năm, Ủy ban nhân dân các cấp chủ động trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí dự phòng ngân sách đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 7. Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách

1. Các chế độ, chính sách được ban hành sau thời điểm Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết, ngân sách tỉnh sẽ hỗ trợ đối với các huyện, thị xã, thành phố theo quy định, đảm bảo trong khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh.

2. Trong tổ chức thực hiện đối với dự toán các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, căn cứ tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số giá tiêu dùng, khả năng thu của ngân sách địa phương, giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, đảm bảo trong khả năng cân đối ngân sách hàng năm.

Chương II

TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

Điều 8. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục

1. Chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập

a) Quỹ tiền lương theo số biên chế thực tế (không vượt tổng số biên chế được giao) tính theo mức lương cơ sở hiện hành.

b) Chi hoạt động được phân bổ theo tiêu chí học sinh:

Khối trường khuyết tật	23.572.000 đồng/học sinh/năm
Trường chuyên Lê Quý Đôn	10.500.000 đồng/học sinh/năm
Trường Dân tộc nội trú	10.833.000 đồng/học sinh/năm
Khối Trung tâm Giáo dục thường xuyên	5.400.000 đồng/học sinh/năm
Khối Trung học phổ thông còn lại	4.500.000 đồng/học sinh/năm

Để đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên đối với một số trường có số học sinh ít được phân bổ thêm kinh phí hoạt động theo tỷ lệ % (tỷ lệ % x kinh phí hoạt động/học sinh x số học sinh chênh lệch), như sau:

Đối với trường Trung học phổ thông có dưới 1.000 học sinh được phân bổ thêm 10% tính theo định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên theo tiêu chí học sinh nêu trên cho số học sinh chênh lệch giữa số học sinh thực tế so với mức 1.000 học sinh.

Đối với Trung tâm giáo dục thường xuyên có dưới 450 học sinh được phân bổ thêm 10% tính theo định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên theo tiêu chí học sinh nêu trên cho số học sinh chênh lệch giữa số học sinh thực tế so với mức 450 học sinh.

c) Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục quy định tại điểm a, điểm b nêu trên là cơ sở để xác định tổng chi thường xuyên của ngân sách bố trí cho các đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục cấp tỉnh. Việc phân bổ chi thường xuyên cụ thể cho từng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sự nghiệp giáo dục cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết này.

2. Chi hoạt động chuyên môn, đặc thù của ngành phân bổ theo tiêu chí học sinh: 64.400 đồng/học sinh/năm (bao gồm: chi tổ chức các kỳ thi, hội giảng, tập huấn, tuyên truyền, khai giảng, bế giảng, tổng kết năm học, hội đồng bộ môn, in tập san và các nhiệm vụ chuyên môn khác của ngành).

3. Chi sự nghiệp giáo dục còn được phân bổ thêm kinh phí để thực hiện các chế độ, chính sách và nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Điều 9. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

1. Chi thường xuyên cho các cơ sở đào tạo và dạy nghề công lập

a) Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ tỉnh, Trường Trung cấp y tế, Trường Chính trị tỉnh: thực hiện phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho đơn vị theo quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này.

b) Trường Cao đẳng sư phạm được phân bổ như sau:

Quỹ tiền lương theo số biên chế thực tế (không vượt tổng số biên chế được giao) với mức lương cơ sở theo quy định hiện hành.

Chi hoạt động:

Hệ Cao đẳng: 5.920.000 đồng/sinh viên/năm.

Hệ Trung cấp: 3.776.000 đồng/sinh viên/năm.